Ngày soạn: 09/09/2024

Ngày dạy:13,14 ,16,18/2024

**Tiết 5,6,: Đọc. Văn bản**: **ĐI LẤY MẬT**

**(Trích Đất rừng phương Nam *-*** **Đoàn Giỏi)**

**1. Ổn định tổ chức**: (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** (3 phút)

- Em hãy cho biết tính cách của nhân vật Mên và Mon trong văn bản “ Bầy chim chìa vôi”, Tính cách ấy được thể hiện qua những phương diện nào?

- HS: Trả lời.

- HS khác: Nhận xét, bổ sung.

- GV: Nhận xét, đánh giá.

**3. Bài mới:** (130 phút)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (2 phút)** | | | | |
| **Mục tiêu**:  - Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới. | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** | | | |
| - GV tiến hành cho HS nghe ca khúc *Bài ca đất phương Nam* và một đoạn trong phim *Đất phương Nam,* khích lệ HS:   1. *Chia sẻ những ấn tượng, cảm xúc từ giai điệu bài nhạc và những hình ảnh trong phim;* 2. *Kể thêm về những miền đất em đã từng đến thăm (ấn tượng về cảnh sắc thiên nhiên, con người và cuộc sống ở nơi đó).*   - HS lắng nghe, xem, suy nghĩ,HS chia sẻ cá nhân.   * GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới. | **GV dẫn dắt vào bài học mới:**  *Nếu như ở truyện ngắn Bầy chim chìa vôi, chúng ta được trải nghiệm vẻ đẹp kì diệu, sức sống mãnh liệt của thế giới tự nhiên cùng tình cảm đầy yêu thương, nhân hậu của hai anh em Mên và Mon thì bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ về thăm vùng đất phương Nam qua tác phẩm Đất rừng phương Nam, một tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Đoàn Giỏi. Tác phẩm sẽ dẫn chúng ta thăm một vùng đất vô cùng giàu có, hùng vĩ với những rừng tràm bạt ngàn, dòng sông mênh mông, sóng nước rì rầm…nơi đó có những con người bình dị, hào phóng, trung hậu, trí dũng. Trong đó, đoạn trích “Đi lấy mật” còn mang đến cho chúng ta một trải nghiệm thú vị về cách lấy mật ong rất đặc biệt ở vùng đất này.* | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (110 phút)**  **Mục tiêu:**  - Xác định được đề tài (thiên nhiên, con người phương Nam) và người kể chuyện ( ngôi thứ nhất). Nhận biết, lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu miêu tả thiên nhiên và con người phương Nam (đặc điểm tính cách nhân vật thể hiện qua các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ, việc làm của các nhân vật và qua nhận xét của người kể chuyện). | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Nội dung/Sản phẩm** | |
| **\* Tìm hiểu chung văn bản**  -GV: Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Ðoàn Giỏi (tiểu sử cuộc ðời, sự nghiệp), nêu vị trí của đoạn trích.  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời, HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2.  **- GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: Đọc to, rõ ràng; chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nói của nhân vật.  - GV nhận xét đọc.  **- GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi:**  *1) Em hãy chia sẻ ấn tượng ban đầu của mình về phim Đất rừng phương Nam (tóm tắt cốt truyện, nhân vật, ấn tượng của bản thân).*  *2) Xác định thể loại, nhân vật, các sự việc chính đoạn trích.*  *3) Chỉ ra mối quan hệ của bốn nhân vật trong đoạn trích. (Cho biết nơi sinh sống của các nhân vật: chú ý những từ ngữ chỉ không gian sống)*  *3) Văn bản có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính từng phần?*  *4) Xác định đề tài, chủ đề của văn bản.*  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản  **\* Đọc - tìm hiểu chi tiết văn bản**  - GV yêu cầu HS quan sát toàn bộ VB, lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  *1) Gạch chân những câu văn miêu tả thiên nhiên rừng U Minh;*  *2) Tìm những chi tiết miêu tả không gian, cảnh vật của rừng;*  *3) Cảnh sắc thiên nhiên được nhà văn tái hiện qua cái nhìn của ai?*  *4) Nhận xét về khả năng quan sát và cảm nhận về thiên nhiên của nhân vật ấy.*  *5) Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh.*  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển ý.  - GV chia lớp thành 03 nhóm, HS thảo luận, hoàn thành vào **Phiếu HT số 01**:  **- Nhiệm vụ chung:**  *1) Tìm các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, cảm xúc, mối quan hệ với các nhân vật khác;*  *2) Nghệ thuật xây dựng nhân vật;*  *3) Tính cách nhân vật.*  **- Nhiệm vụ riêng:**  **+ Nhóm 1:** *Nêu cảm nhận về nhân vật tía nuôi của An. Cảm nhận dựa trên những chi tiết tiêu biểu nào?*  + **Nhóm 2:** *Nhân vật Cò hiện lên qua những chi tiết nào? (Cò đi rừng như thế nào?* (bỡ ngỡ, chậm chạp hay thành thạo, nhanh nhẹn) *Thái độ của Cò đối với An như thế nào?* (Cò có hiểu biết gì về sân chim, về rừng U Minh?)  + **Nhóm 3:** *Tìm chi tiết miêu tả của nhà văn về An như: ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, cảm xúc,…từ đó khái quát lên tính cách.* (Câu hỏi gợi ý: *An cảm nhận như thế nào về tía nuôi, má nuôi, về Cò? Thiên nhiên rừng U Minh hiện lên như thế nào qua cái nhìn của An? An đã có suy nghĩ gì khi nghe má nuôi kể về cách “ăn ong” của người dân U Minh* (đọc lại đoạn cuối))  **-** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3;  -GV chuyển giao nhiệm vụ học tập qua kĩ thuật khăn trải bàn, trả lời câu hỏi:  Tìm các yếu tố về ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sống sinh hoạt... trong văn bản để thấy truyện của Đoàn Giỏi mang màu sắc Nam Bộ ?  **Cách thực hiện:**  Giáo viên chia lớp thành các nhóm học tập từ 4- 6 học sinh. Trao cho mỗi nhóm 1 tờ A0 (tượng trưng cho khăn trải bàn) thảo luận câu hỏi theo yêu cầu kĩ thuật khăn trải bàn:    - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  **-** HS khác nghe và bổ sung  **-** GV đánh giá nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS và khẳng định: *Ngoài những dấu ấn thiên nhiên, tính cách, nếp sống của người Nam Bộ thì dấu ấn Nam Bộ thể hiện rõ ở ngôn ngữ. Cả ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ của người kể trong đoạn trích đều mang những đặc trưng đầy đủ về phương ngữ Nam Bộ ở cả các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và cả phong cách diễn đạt. Có những đoạn rất hay, biểu hiện cho lối “văn nói Nam Bộ”, lối văn chương gồm những câu ngắn gọn, có nhiều từ ngữ Nam Bộ trong giao tiếp bằng lời được thể thành văn viết và đi vào trang văn của Đoàn Giỏi thật tự nhiên, gần gũi như cách nói của người dân Nam Bộ.*  **\* Tổng kết**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **-** GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | | **I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  + Đoàn Giỏi (1925-1989 quê ở Tiền Giang.  + Ông thường viết về thiên nhiên, con người và cuộc sống ở miền đất phương Nam với vẻ đẹp của vùng đất trù phú, người dân chát phác thuần hậu, can đảm, nghĩa tình.  **2.Tác phẩm*:*** Đoạn trích “Đi lấy mật” là tên chương 9 của tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*, kể lại một lần An theo tía nuôi và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh  **a. Đọc, tóm tắt, giải nghĩa từ khó**  **b. Thể loại:** Tiểu thuyết.  **c. Đề tài, chủ đề**  - Đề tài: Tuổi thơ và thiên nhiên (Đi lấy mật trong rừng U Minh).  - Chủ đề: Bầu trời tuổi thơ.  **d. Bố cục**:  - P1: Từ đầu đến “*trong các bụi cây*”: Đi lấy mật ong rừng;  - P2: Từ “*Lần đầu tiên…”* đến “…*màu xanh lá ngái*” Nghỉ chân ăn cơm và nhận biết con ong mật;  - P3: Từ “*Chúng tôi tiếp tục đi…..”* đến “…*thấy ghét quá*”: An nhớ chuyện má nuôi kể chuyện cách lấy mật ong.  - P4: Còn lại: An nghĩ về về cách “*thuần hoá*” ong rừng của người dân U Minh.  **II. ĐỌC – TÌM HIỂU CHI TIẾT:**  **1. Vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh**  Cảnh sắc rừng U Minh hiện lên qua cái nhìn của nhân vật An:  - Buổi ban mai: yên tĩnh, trong vắt, mát lành.  - Nắng và gió: Gió thổi rao rao, tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng,…  - Các loài vật: Chim hót líu lo và hàng ngàn con chim vụt bay lên; những loài côn trùng bé nhỏ, kì lạ; thế giới đầy bí ẩn của loài ong,…  - Cây cối: Rừng chàm xanh mát, những nhánh gai chắn ngang đường, những bụi cây cúc áo,…  🡪Vẻ đẹp phong phú, đầy chất thơ của rừng U Minh.  🡪An có khả năng quan sát tinh tế; tâm hồn trong sáng; biết phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.  **2. Vẻ đẹp con người phương Nam**  **a.Các chi tiết miêu tả:**  **- Nhân vật tía nuôi:**  + Vóc dáng khoẻ mạnh vững chãi; cử chỉ mạnh mẽ, dứt khoát,…;  + Lời nói, cách cư xử: nghe An thở phía sau ông đã biết cậu bé mệt và cần nghỉ chân; chú tâm lo cho An hơn Cò vì biết An chưa quen đi rừng,…  + Biết gác kèo cho ong rừng làm tổ rất giỏi và biết bảo vệ đàn ong…  🡪 Tía nuôi của An là một người lao động dày dạn kinh nghiệm; tính cách mạnh mẽ; giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người và thiên nhiên.  **- Nhân vật Cò:**  + Hình dáng, cử chỉ, hành động: *đội cái thúng to tướng; coi bộ chưa thấm tháp gì, cặp chân như bộ giò nai, lội suối suốt ngày trong rừng chả mùi gì.*  *+*Lời nói: *Đố mày biết con ong mật là con nào?; Thứ chim cỏ này mà đẹp gì! ; không ăn thua gì đâu. Mày mà gặp “sân chim” thì mày sẽ biết…*  🡪 Cò sinh ra và lớn lên ở vùng đất rừng phương Nam: đi rừng rất nhanh nhẹn, thành thạo; có nhiều hiểu biết về sân chim, về rừng U Minh.  - Nhân vật An: (vì chiến tranh, bị lạc gia đình nên được gia đình Cò nhận làm con nuôi)  + Cảm nhận được tình thương của tía và má dành cho mình nên rất yêu quý họ, luôn nghĩ về họ với tình cảm gần gũi, thân thuộc, ấm áp: *Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết…; Má nuôi tôi đã vò đầu tôi, cười rất hiền lành…;*  *+* Có chút “ganh tị” rất hồn nhiên với Cò vì Cò đi rừng thành thạo và hiểu biết nhiều về rừng U Minh;  + Thiên nhiên rừng U Minh hiện lên trong mắt An đẹp phong phú, bí ẩn, đầy chất thơ.  + Suy nghĩ về cách “ăn ong” của người dân vùng U Minh :Cách ăn ong rất độc đáo.  ­🡪 An là một cậu bé có tâm hồn trong sáng, yêu thương tía má nuôi và Cò; thông minh, ham hiểu biết; phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên một cách tinh tế.  **b.Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất;  - Tình huống truyện nhẹ nhàng, xen lẫn hồi ức;  - Ngôn ngữ đối thoại sinh động, miêu tả tinh tế.  **\*Tính cách nhân vật:**  - Tía nuôi An là người lao động dày dạn kinh nghiệm, từng trải, can đảm, tính cách mạnh mẽ, giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người, trân trọng sự sống và thiên nhiên.  - Cò là một cậu bé thông minh, có hiểu biết, nhanh nhẹn, hoạt bát, đáng yêu.  - An là cậu bé biết cảm nhận những tình cảm thân thương gần gũi của ba má nuôi, biết quan sát thiên nhiên; thông minh, ham hiểu biết.  **3. Chất Nam Bộ thể hiện trong văn bản.**  **- Ngôn ngữ**: giản dị đậm sắc thái địa phương Nam Bộ: Sử dụng từ địa phương, quán ngữ làm nổi bật nét riêng của người Nam Bộ  **-Phong cảnh** **thiên nhiên**: đặc trưng của miền sông nước Nam Bộ: Vùng thiên nhiên trù phú, hoang sơ:  + Sông nước  + Rừng tràm: Nhiều thú dữ, chim chóc (kì nhông, ong...) buổi hoang sơ  => Thiên nhiên kì thú, đầy chất thơ, giàu có, hoang sơ,…  **- Tính cách con người:** Bộc trực, thẳng thắn, dễ mến.  **- Nếp sống** **sinh hoạt** : mang đậm dấu ấn địa phương Nam Bộ:  -> Tạo ấn tượng chung về con người, mảnh đất phương Nam  **III. TỔNG KẾT:**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôi kể phù hợp để câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực, nhiều chiều;  - Ngôn ngữ sinh động, mang đậm chất Nam bộ, cách miêu tả tinh tế;  - Tính cách nhân vật được bộc lộ qua tình huống nhẹ nhàng và qua đối thoại, qua ý nghĩ, qua mối quan hệ với các nhân vật khác.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  - Đoạn trích đã khắc hoạ ấn tượng vẻ đẹp thiên nhiên rừng U Minh kì thú, giàu có, hoang sơ, đầy chất thơ cùng con người đất phương Nam vừa gần gũi, bình dị, hồn nhiên, nhân hậu vừa mạnh mẽ, phóng khoáng...  - Đoạn trích đã bồi đắp cho mỗi chúng ta tình cảm yêu mến cảnh sắc thiên nhiên, trân trọng vẻ đẹp con người đất phương Nam. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 phút)**  **Mục tiêu**:  Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về từ láy đã học để thực hiện bài tập. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Nội dung/Sản phẩm** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nhiệm vụ | Nhóm 1 | Nhóm 2 | Nhóm 3 | | 1) Điền các từ thích hợp vào ô trống trong đoạn văn. | “Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái …(1) của hơi nước sông ngòi, mương rạch, của đất ấm và dưỡng khí thảo mộc thở ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút...(2) trên những đầu hoa tràm …(3), khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thuỷ tinh.” | “Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm…(1). Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, …(2) khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh. Con Luốc động đậy cánh mũi,…(3) mò tới.” | “Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi…(1), một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên. Chim áo già màu nâu, chim manh manh mỏ đỏ bóng như màu thuốc đánh móng tay, lại có bộ lông xám tro điểm những chấm trắng chấm đỏ…(2) rất đẹp mắt…Những con chim nhỏ bay vù vù kêu…(3) lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.” | | (*óng ánh, lành lạnh, rung rung*) | (*phảng phất, rón rén, ngây ngất*) | (*li ti, lao xao, líu ríu*) | | 2) Những từ vừa điền thuộc loại từ nào? Nêu tác dụng. | ………………….. | ………………….. | ………………….. |   **-** GV tổ chức cho HS chia nhóm và thực hiện câu hỏi thảo luận theo phiếu học tập số 02.  - Đại diện các nhóm trình bày.  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung. | | | **IV.Luyện tập**  \*Câu 1:   * **Nhóm 1:** 1) lành lạnh; 2) óng ánh; 3) rung rung. * **Nhóm 2:** 1) ngây ngất; 2) phảng phất; 3) rón rén. * **Nhóm 3:** 1) lao xao; 2) li ti; 3) líu ríu.   **\*Câu 2:**  - Loại từ: từ láy;  - Tác dụng:  ***+*** *Giúp nổi bật đối tượng được miêu tả;*  *+ Làm cho câu văn gợi hình gợi cảm, sinh động, hấp dẫn,…* |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (8 phút)**  **Mục tiêu**:  HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Nội dung/Sản phẩm** |
| **-GV: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) miêu tả cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh bằng tưởng tượng sau khi học xong đoạn trích “*Đi lấy mật*”.**  Gợi ý:  **Bước 1**: HS chọn các chi tiết cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh để miêu tả, có thể chọn:  *+ Không khí buổi sáng trong rừng, nắng trưa;*  *+ Các loại cây, loài vật như: hương hoa tràm, kì nhông, chim, ong,…;*  **Bước 2**: Triển khai ý cho đoạn văn (Lần lượt miêu tả không gian từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể,…biết sử dụng hiệu quả các phép tu từ như so sánh, nhân hoá,..);  **Bước 3**: Viết;  **Bước 4**: Chỉnh sửa và hoàn thiện.  - GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.  **-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.  **-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá, rút kinh nghiệm, đọc đoạn văn tham khảo: | | | HS viết đoạn văn **(**khoảng 5 - 7 câu) miêu tả cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh bằng tưởng tượng sau khi học xong đoạn trích “*Đi lấy mật*”. |